

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 28-11-2018.
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Công Thuận.

Bà Trần Lệ Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2018 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lý Văn T, sinh năm: 1983 (có mặt).

Cư trú tại: Số nhà 187, ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

- Bị đơn: Chị Võ Thị Kim K, sinh năm: 1989 (có mặt).

Cư trú tại: Số nhà 56, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Võ Thị Kim K:
Luật sư Lý Bình Đ - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Vạn Lý Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Lý Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Võ Thị Kim K kết hôn với nhau vào ngày 18/6/2009, kết hôn trên sự tự nguyện của anh chị, có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã Trung Bình, huyện Long Phú (Nay là thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề). Sau khi kết hôn anh T và chị K chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, anh chị thường xuyên cãi vã qua lại, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh T và chị K sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay, nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị K.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh T và chị K có 01 người con chung tên Lý Hoài Bảo T, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2010, hiện nay cháu T đang sống chung với chị K. Do hiện nay anh T có nhà riêng, làm nghề tự do, có thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng, nên anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh T và chị K không có tài sản chung, nên anh T không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống anh T và chị K không có nợ chung, nên anh T không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Lý Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là chị Võ Thị Kim K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh T kết hôn với nhau vào ngày 18/6/2009, kết hôn trên sự tự nguyện của anh chị, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Bình, huyện Long Phú (Nay là thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề). Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ngoại tình, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay, nên chị cũng thống nhất ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị K và anh T có 01 người con chung tên Lý Hoài Bảo T, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2010, hiện nay cháu T đang sống chung với chị K. Do hiện nay chị K có thu nhập mỗi tháng là 5.800.000 đồng, cháu T sống với chị được đi học đúng độ tuổi, nên chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị K và anh T không có tài sản chung, nên chị K không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống chị K và anh T không có nợ chung, nên chị K không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Võ Thị Kim K:

- Về hôn nhân: Do anh T yêu cầu được ly hôn, chị K cũng thống nhất ly hôn, nên đề nghị xử cho anh T được ly hôn với chị K.

- Về con chung: Do hiện nay cháu T đang sống ổn định với chị K, được đi học đúng độ tuổi, cháu T là nữ, nên nếu được tiếp tục sống chung với chị K thì chị K sẽ có điều kiện để chăm sóc cháu và cũng sẽ phù hợp với sự phát triển của cháu. Còn anh T đang có mối quan hệ với người phụ nữ khác, nên không đảm bảo việc chăm sóc cháu T. Anh T trình bày là có nhà riêng, có thu nhập ổn định, nhưng anh T không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của anh T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lý Hoài Bảo T cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên, chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do chị K và anh T không có yêu cầu gì, nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lý Văn T. Về hôn nhân: xử cho anh T được ly hôn với chị K; về con chung: không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lý Hoài Bảo T, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2010, giao cháu Lý Hoài Bảo T cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên. Do chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: anh T và chị K không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 8 năm 2018 của anh Lý Văn T thì anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị Kim K. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Văn T chị Võ Thị Kim K tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; anh T và chị K có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã Trung Bình, huyện Long Phú (Nay là thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề), tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh T và chị K là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì anh T và chị K chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, anh T và chị K chung sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì anh T và chị K không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Từ khi sống ly thân cho đến nay anh T và chị K không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu được ly hôn, chị K cũng thống nhất ly hôn.

Xét thấy: Hiện nay hôn nhân của anh T và chị K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tại phiên tòa, anh T yêu cầu được ly hôn, chị K cũng thống nhất ly hôn là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho anh T được ly hôn với chị K để giải phóng về mặt hôn nhân và nhằm tạo điều kiện cho mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Lý Văn T chị Võ Thị Kim K có 01 người con chung tên Lý Hoài Bảo T, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2010. Anh T và chị K cùng xác định từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay chị K trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Anh T và chị K không thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T.

Xét thấy: Từ khi anh T và chị K sống ly thân cho đến nay chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, hiện nay cháu T đang có cuộc sống ổn định, được đi học đúng độ tuổi, nguyện vọng của cháu T cũng muốn được tiếp tục sống chung với chị K. Nếu giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng thì sẽ gây tâm lý không ổn định cho cháu T và cũng không đúng nguyện vọng của cháu T.

Từ những phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T và theo nguyện vọng của cháu T, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu T cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên. Do chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh Lý Văn T và chị Võ Thị Kim K cùng xác định không có tài sản chung, không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Lý Văn T và chị Võ Thị Kim K cùng xác định không có nợ chung, không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Võ Thị Kim K. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề

nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc anh Lý Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000533 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Võ Thị Kim K không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lý Văn T; không chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của anh Lý Văn T.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lý Văn T được ly hôn với chị Võ Thị Kim K.
2. Về con chung: Giao cháu Lý Hoài Bảo T, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2010 cho chị Võ Thị Kim K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên. Anh Lý Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T, không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lý Văn T và chị Võ Thị Kim K không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lý Văn T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000533 ngày 06 tháng 8 năm 2018

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Võ Thị Kim K không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- UBND TT. Trần Đề, huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo